

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **32/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/5/2017

V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TÂY NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Dương Phú Sang**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Bà Phạm Thị Phương;**
- 2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 2 năm 2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Th**, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Tổ 15, ấp Đk 1, xã TT, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Tổ 15, ấp Đk 1, xã TT, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Chị Th có mặt, anh L có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Chị Trương Thị Th trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh L tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện T. Cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh L từ khi cưới nhau thì hạnh phúc chỉ đến năm 2003 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau thường xuyên. Nguyên nhân do chị cho rằng anh L không lo làm ăn, lo lắng trong gia đình, thường xuyên uống rượu, khi về thì kiểm chuyện la mắng chị và các con. Sự việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn người dân địa phương nơi vợ chồng chị chung sống ai cũng biết, mặc dù gia đình hai bên có khuyên can nhiều lần nhưng anh L không thay đổi nên anh chị đã ly thân từ tháng 10/2016 cho đến nay. Do thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị và anh L chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bé Mộng, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Thị Yên Nhi, sinh năm 2005. Hiện nay các cháu đang sống với chị. Nếu ly hôn chị muốn được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Anh Nguyễn Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị Th về thời gian anh chị chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào năm 1999. Trong khoảng thời gian chung sống từ năm 1999 đến trước tháng 12/2016 thì anh chị có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vài lần cãi nhau, nguyên nhân do có đôi lúc anh uống rượu không kiềm chế được bản thân. Vào tháng 12/2016 do vợ chồng cãi nhau nên anh, chị ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay. Do thấy vợ chồng anh, chị vẫn hạnh phúc, mâu thuẫn chưa trầm trọng, anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn với chị Th.

- Về con chung: Anh thống nhất với trình bày của chị Th về con chung, thống nhất giao hai con chung là các cháu Nguyễn Thị Bé Mộng, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Thị Yên Nhi, sinh năm 2005 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trương Thị Th vẫn giữ nguyên quan điểm. Do anh Nguyễn Văn L vắng mặt nên không có ý kiến.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trương Thị Th và anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Ghi nhận sự thống nhất của chị Th và anh L. Sau khi ly hôn giao chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các cháu Nguyễn Thị Bé Mộng, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh năm 2005, ghi nhận chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nợ chung: Ghi nhận chị Th và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trương Thị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

* Về tố tụng:

[1] Do anh Nguyễn Văn L là bị đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

* Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Thị Th và anh Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Th thấy rằng, qua thu thập chứng cứ xác minh chính quyền địa phương và các hộ dân nơi chị Th, anh L sinh sống đều thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng chị Th và anh L có phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau, gia đình hai bên có tiến hành hoà giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn nên anh, chị đã ly thân trong khoảng thời gian từ tháng 12/2016 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án sau nhiều lần hoà giải anh, chị vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, anh L cũng thừa nhận trong khoảng thời gian anh chị ly thân cho đến nay anh, chị cũng không ai lo lắng, quan tâm chăm sóc đến ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh L đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th với anh L là có cơ sở phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

[3] Về con chung: Chị Th và anh L thống nhất có 02 con chung và khi ly hôn anh, chị thống nhất giao chị Th được trực tiếp trông nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Thị Bé Mộng, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh năm 2005, chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Việc thỏa

thuận này do anh, chị tự nguyện, không trái quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu Nguyễn Thị Bé Mộng và cháu Nguyễn Thị Yên Nhi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị Th và anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị Th phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 146, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

1. Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Th và anh Nguyễn Văn L. Chị Trương Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao chị Trương Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Nguyễn Thị Bé Mộng, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Thị Yên Nhi, sinh năm 2005. Ghi nhận chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh L có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung. Chị Th cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh L không được lạm dụng việc thăm non con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Chị Trương Thị Th và anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0023952 ngày 20 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh; Chị Trương Thị Th đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA DS huyện T;
- UBND xã TT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (s).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Phú Sang